TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 67/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố A, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1984;
- Bị đơn: Anh Trà Thanh L, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L thống nhất tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Chị Phan Thị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trà , sinh ngày 08/10/2018. Anh Trà ThanhL không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Phan Thị D tự nguyện không yêu cầu. Chị Phan Thị D cùng các thành viên trong gia đình không được

cản trở anh Trà Thanh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về tài sản chung: Chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D và anh L cam kết tài sản vợ chồng tự thoả thuận và cũng không có ý định tẩu tán tài sản.

+ Về nợ chung: Chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D và anh L cam kết không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị D và anh Trà Thanh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Nhưng chị Phan Thị D tự nguyện thống nhất chịu thay cho anh Trà Thanh L toàn bộ số tiền án phí trên. Vậy chị Phan Thị D thống nhất chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005095 ngày 19 tháng 4 năm 2024. Chị Phan Thị D được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. A;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thanh Tâm